

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2024

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách CCHC năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá về công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Năm 2024, với tinh thần đổi mới, sáng tạo và quán triệt phương châm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ “*Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững*”, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trên tinh thần “*làm gương, kỷ cương, trọng tâm, bứt phá*” gắn với đẩy mạnh CCHC, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo trên lĩnh vực CCHC, trọng tâm là xây dựng và hoàn thiện thể chế, cải cách TTHC, chuyển đổi số, trong đó có một số văn bản quan trọng như: Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 22/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 08/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về thúc đẩy cải cách TTHC, cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến gắn với đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành chính cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024¹; Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2024², xác định 30 nhiệm vụ trọng tâm với các chỉ tiêu phấn đấu trên 06 lĩnh vực của công tác CCHC; hợp nhất 03 Ban chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 thành một Ban Chỉ đạo duy nhất do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban và thành viên là Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước³, đồng thời ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024⁴ gồm

¹ Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh.

² Quyết định số 4935/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh.

³ Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định.

⁴ Quyết định số 92/QĐ-BCĐ ngày 08/7/2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06.

23 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể được phân công trực tiếp cho các cơ quan tham mưu các lĩnh vực trong công tác CCHC của tỉnh, xác định các nhiệm vụ triển khai theo đúng tiến độ thời gian, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

Ngày 29/5/2024, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh tổ chức họp phiên thứ nhất sau khi Bộ Nội vụ công bố kết quả các chỉ số CCHC của tỉnh năm 2023⁵. Ngay sau phiên họp, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh Bình Định đến năm 2025⁶ xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể gắn với phân công trách nhiệm thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là Người đứng đầu trong công tác tổ chức triển khai thực hiện để tạo chuyên biến đồng bộ, thực chất trên các tiêu chí, tiêu chí thành phần của các chỉ số cho đến năm 2025. Đồng thời, tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số: PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số PCI của cơ quan đơn vị. Hằng tháng, Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 132/KH-UBND.

Ngày 05/12/2024, Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025⁷. Kết quả cho thấy các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành triển khai quyết liệt, chủ động, kịp thời theo dõi sát tình hình thực tiễn, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, xử lý những vấn đề phát sinh; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh nên tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 tiếp tục tăng trưởng, phát triển và đạt được kết quả khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực.

2. Triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC

Năm 2024, UBND tỉnh xác định 30 nhiệm vụ trọng tâm trên 06 lĩnh vực của nhiệm vụ CCHC của tỉnh⁸. Đến ngày 14/12/2024, đã hoàn thành **30/30 nhiệm vụ** đề ra, các quyết định, kế hoạch của UBND tỉnh ban hành làm cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo tiến độ đảm bảo mục tiêu chung đề ra (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

Ngoài ra, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành **50 văn bản** chỉ đạo, điều hành về CCHC, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các Nghị quyết của Chính phủ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh

⁵ Kết quả xếp hạng như sau: PAR INDEX (đạt 87.29%, xếp vị thứ 31/63 tỉnh, thành phố, tăng 02 bậc so với năm 2022), SIPAS (đạt 83.73%, xếp vị thứ 20/63 tỉnh, thành phố, tăng 01 bậc so với năm 2022), PAPI (đạt 43.57 điểm, xếp vị thứ 19/61 tỉnh, thành phố tăng 19 bậc so với năm 2022), PCI (đạt 67.44 điểm, xếp vị thứ 25/63 tỉnh, thành phố, giảm 04 bậc so với năm 2022).

⁶ Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh

⁷ Thông báo số 502/TB-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh.

⁸ Kế hoạch số 4935/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh.

nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Về công tác kiểm tra CCHC

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC tỉnh⁹, tập trung vào các lĩnh vực: CCHC, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công tác CCHC, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Theo đó, đã tổ chức kiểm tra đối với 05 cơ quan thuộc UBND tỉnh¹⁰ (đạt 100% so với Kế hoạch), 06 UBND cấp huyện¹¹ và 20 xã, thị trấn (đạt 100% so với Kế hoạch). Bên cạnh đó, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh năm 2024¹², đến nay, Tổ công tác về kiểm tra công vụ của tỉnh đã kiểm tra đối với 72 xã, phường, thị trấn¹³; qua kiểm tra, hầu hết các địa phương chấp hành tốt các nội dung được kiểm tra: UBND cấp xã tổ chức tiếp nhận và giải quyết TTHC kịp thời cho người dân; cán bộ, công chức chấp hành đúng quy chế làm việc và văn hóa công vụ.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Công tác tuyên truyền CCHC được thực hiện thường xuyên tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tuyên truyền chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước và các chương trình, kế hoạch, văn bản của Trung ương, của tỉnh về CCHC; nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu. Từ nội dung Kế hoạch truyền thông CCHC của tỉnh¹⁴, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ tuyên truyền về CCHC của đơn vị đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

Duy trì các hình thức truyền thông về công tác CCHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương và qua ứng dụng nền tảng số để tuyên truyền về kết quả đánh giá Chỉ số CCHC (Par Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của tổ chức, công dân (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương của tỉnh (DDCI), triển khai nhiệm vụ công tác CCHC năm 2024 và các nội dung liên quan đến CCHC của tỉnh. Ngoài ra, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định phát sóng định kỳ hằng tuần trên chuyên mục CCHC về các mô hình đang thực hiện hiệu quả tại các cơ quan, đơn vị, địa phương như: Mô hình Thứ ba “Ngày không viết” – Thứ năm “Ngày không hẹn” thực hiện tại UBND phường Trần Hưng Đạo (TP Quy Nhơn); nỗ lực CCHC trong lĩnh vực đất đai, giải pháp quản lý đất đai trên môi trường số; Bệnh viện Đa khoa tỉnh chú trọng triển khai CCHC; ngành Giáo dục và Đào tạo chú trọng chuyển đổi số, CCHC; Nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến hưởng trợ cấp thất nghiệp. Báo Bình Định tiếp tục duy trì, phát triển chuyên mục CCHC trên Trang Xây dựng Đảng - chính quyền (số thứ 2 hằng tuần), thực hiện các bài viết liên quan đến công tác chuyển đổi số trên trang Khoa học công nghệ (số thứ 5 hằng tuần). Một

⁹ Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹⁰ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

¹¹ Hoài Ân, Tây Sơn, Vân Canh, Tuy Phước, Phù Cát, An Lão.

¹² Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹³ Trong đó: 11 thị trấn (đạt 100%); 18 phường (đạt 56,3%/tổng số 32 phường); 43 xã (đạt 37,1%/tổng số 116 xã).

¹⁴ Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

số nội dung được tuyên truyền như: Quản lý, kiểm soát hồ sơ TTHC được trả lại; Phù Cát tổ chức tọa đàm nâng cao dịch vụ công trực tuyến; vòng sơ khảo cuộc thi tìm hiểu về CCHC tỉnh; công chức Văn phòng - Thống kê UBND phường, với nhiều đóng góp tích cực cho công tác CCHC được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen....

Đặc biệt, đề đổi mới trong công tác tuyên truyền CCHC, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 01/7/2024 tổ chức Cuộc thi tìm hiểu CCHC tỉnh Bình Định năm 2024 - Chủ đề “Vi Nhân dân phục vụ”. Cuộc thi có sự tham dự của 31 đội đến từ các cơ quan, đơn vị, địa phương với hơn 200 cán bộ, công chức, viên chức dự thi, thu hút gần 1000 người tham dự, thông qua Cuộc thi đã tạo ra một sân chơi bổ ích cho cán bộ, công chức, viên chức, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ trong công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC trên địa bàn tỉnh.

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Đến nay, UBND tỉnh đã hoàn thành và thực hiện đúng thời hạn đối với **124/211 nhiệm vụ**; UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tham mưu triển khai thực hiện theo quy định đối với 87 nhiệm vụ trong hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): Trong năm 2024, HĐND, UBND các cấp ban hành 233 VBQPPL; trong đó, HĐND, UBND tỉnh ban hành 122 văn bản; HĐND, UBND cấp huyện ban hành 56 văn bản; HĐND, UBND cấp xã ban hành 55 văn bản.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật (THTHPL): UBND tỉnh ban hành Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình THTHPL năm 2024. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 446/UBND-NC ngày 17/01/2024 triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 5970/TB-ĐKT của Đoàn công tác liên ngành, chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế theo kiến nghị của Đoàn kiểm tra liên ngành Trung ương về công tác theo dõi THTHPL và cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật năm 2023. UBND tỉnh ban hành các báo cáo về: kết quả kiểm tra, khảo sát THTHPL năm 2023¹⁵, xử lý kết quả theo dõi THTHPL năm 2023, Danh mục văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác theo dõi THTHPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh năm 2024. Để thực hiện kiểm tra, điều tra, khảo sát THTHPL, Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn¹⁶, tổ chức kiểm tra tại Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Cục Thuế tỉnh và 03 UBND cấp huyện¹⁷; thực hiện 450 phiếu điều tra, khảo sát THTHPL

¹⁵ Báo cáo số 19/BC-UBND ngày 23/02/2024 về kết quả kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh Bình Định, Báo cáo số 12/BC-UBND ngày 06/02/2024 về kết quả kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn tỉnh.

¹⁶ Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 15/8/2024.

¹⁷ Vĩnh Thạnh, Hoài Nhơn, Quy Nhơn.

trong 03 lĩnh vực trọng tâm, liên ngành tại các cơ quan, địa phương¹⁸. Sau kiểm tra, các thông báo kết luận đã được gửi cho các cơ quan, đơn vị được kiểm tra để tổ chức thực hiện.

- **Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL):** UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 ban hành Kế hoạch PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024; Công văn số 897/UBND-NC ngày 02/02/2024 triển khai một số nhiệm vụ PBGDPL dịp Tết Giáp Thìn năm 2024; Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 20/02/2024 về kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 29/02/2024 thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” năm 2024; Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 kiện toàn và công nhận Báo cáo viên pháp luật tỉnh Bình Định; Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 08/3/2024 phổ biến các văn bản luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6 và Kỳ họp bất thường lần thứ 5; Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 20/3/2024 về thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” năm 2024; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 13/5/2024 về thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” năm 2024.

Tổ chức triển khai thực hiện chuỗi các hoạt động PBGDPL đều khắp từ tỉnh đến tận trường học và địa bàn cơ sở như: Cuộc thi Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật giỏi năm 2024; Tọa đàm trao đổi kinh nghiệm về hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hội nghị tập huấn kiến thức pháp luật và kỹ năng PBGDPL cho báo cáo viên pháp luật tỉnh; Hội nghị triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; 02 Chương trình PBGDPL kết hợp thi tìm hiểu pháp luật dưới hình thức rung chuông vàng cho học sinh vùng dân tộc thiểu số và miền núi; 03 Ngày hội “Công dân với pháp luật”; 03 Chương trình PBGDPL kết hợp thi tìm hiểu pháp luật dưới hình thức rung chuông vàng cho học sinh là đoàn viên, thanh niên tại 03 trường THPT trên địa bàn huyện Tuy Phước; 03 Hội nghị tập huấn kiến thức pháp luật và nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở...; thực hiện xã hội hóa, thực hiện truyền thông trực quan (*50 panno và 100 băng rôn, phướn*) về Cải cách hành chính, Chuyên đổi số và hưởng ứng Ngày Pháp luật năm 2024 tại trụ sở UBND các xã, phường thuộc TP. Quy Nhơn và các tuyến đường chính ở TP. Quy Nhơn, huyện Tuy Phước và thị xã An Nhơn. Ngoài ra, đã biên soạn, phát hành 30.000 cuốn Bản tin Tư pháp, 15.000 tập tài liệu Hỏi - Đáp pháp luật (*về tín ngưỡng, tôn giáo; dân sự và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; kinh doanh bất động sản*); 5.000 cuốn Sổ tay pháp luật xử lý vi phạm về hôn

¹⁸ Khảo sát tại: Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, Cục Quản lý thị trường, Cục Thuế, huyện Vĩnh Thạnh, thị xã Hoài Nhơn và TP. Quy Nhơn.

nhân và gia đình, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định xây dựng 12 số Tạp chí truyền hình “Pháp luật và Đời sống”;

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL:

Công tác tự kiểm tra: thực hiện tự kiểm tra 122 văn bản. Kết quả, các văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành đều đảm bảo về nội dung, hình thức và thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

Công tác kiểm tra theo thẩm quyền: Năm 2024, đã thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 56/56 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện ban hành. Qua kiểm tra, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung và thẩm quyền.

Công tác rà soát VBQPPL: Thực hiện theo Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp đã phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện rà soát, tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 129 văn bản.

Công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2019 - 2023: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 công bố kết quả hệ thống hóa VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023; Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 08/3/2024 về kết quả hệ thống hóa VBQPPL của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá 30 TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của 15 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh năm 2024¹⁹. Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh đã thông qua phương án đơn giản hóa 30 TTHC (đạt 100% so với Kế hoạch), trong đó, giảm thời gian giải quyết đối với 22 TTHC và đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ đối với 08 TTHC, với số tiền tiết kiệm được sau khi đơn giản hóa 30 TTHC ước tính hơn 2 tỷ đồng/năm.

Trong năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 142 Quyết định công bố 1.380 danh mục TTHC (trong đó ban hành mới 363 TTHC, sửa đổi, bổ sung 667 TTHC, thay thế 48 TTHC; bãi bỏ 302 TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành tỉnh; đã thực hiện việc tích hợp dữ liệu và cập nhật sửa đổi, bổ sung thông tin các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định. Đồng thời, đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 84 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 237 TTHC liên thông và 285 TTHC không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành tỉnh.

¹⁹ Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Đến nay, đã triển khai 107 TTHC đơn giản hóa thông tin, khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không phải điền lại, trong đó bao gồm những dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 (Đăng ký khai sinh; Đăng ký khai tử; Đăng ký kết hôn; Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Cấp giấy xác nhận thông tin hộ tịch; ...).

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh tiếp tục được hoàn thiện, đổi mới và triển khai đồng bộ Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Định” (gọi tắt là: Đề án BCCI) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện. Theo đó, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện chuyển giao cho doanh nghiệp bưu chính công ích (BCCI) đảm nhận nhiệm vụ “hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC”²⁰. Kết quả việc triển khai Đề án BCCI đã tinh gọn bộ máy làm việc, trong đó Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh bố trí 14 nhân viên bưu điện thay thế cho 24 công chức, viên chức các sở, ban (giảm 10 người làm việc so với thời điểm trước chuyển giao); Bộ phận Một cửa cấp huyện bố trí 35 nhân viên bưu điện thay cho 70 công chức, viên chức các phòng, ban (giảm 35 người làm việc so với thời điểm trước chuyển giao). Đồng thời, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai Đề án BCCI, Hội nghị đã đánh giá những kết quả đạt được và đề ra phương hướng, nhiệm vụ để triển khai thực hiện trong thời gian đến²¹.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ về thực hiện “02 nhóm thủ tục liên thông khai sinh, khai tử” và Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử²². Kết quả: (i) Liên thông TTHC về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi: 8.527 hồ sơ, trong đó bao gồm: 8.527 hồ sơ trực tuyến (tỷ lệ 100%) không có hồ sơ trực tiếp. (ii) Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí 3.284 hồ sơ, trong đó bao gồm: 3.284 hồ sơ (tỷ lệ 100%) không có hồ sơ trực tiếp.

Triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh kể từ ngày 05/8/2024. Kết quả tính đến thời điểm báo cáo, tổng số hồ sơ tiếp nhận qua VNeID là 595 hồ sơ.

²⁰ Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh”.

²¹ Thông báo số 499/TB-VPUBND ngày 11/12/2024 của Văn phòng UBND tỉnh thông báo ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Hải Giang tại Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Định”.

²² Công văn số 4680/UBND-KSTT ngày 21/6/2024, Công văn số 4692/UBND-KSTT ngày 21/6/2024, Công văn số 4873/UBND-KSTT ngày 27/6/2024, Công văn số 5397/UBND-KSTT ngày 16/7/2024 và Công văn số 4939/UBND-KSTT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Ban hành văn bản chỉ đạo chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu cung cấp bản sao chứng thực từ bản chính khi thực hiện giải quyết TTHC²³; Quyết định phê duyệt Danh mục 09 TTHC thực hiện thí điểm tiếp nhận, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định²⁴ (ngoài ra, còn có 637 TTHC được công bố tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh).

Trong năm, UBND tỉnh ban hành 05 Quyết định ủy quyền cho một số cơ quan, địa phương giải quyết một số TTHC và một số nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền; ban hành Quyết định phân cấp cho Sở Nội vụ thực hiện giải quyết 02 TTHC trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh²⁵, bên cạnh đó, có 09/11 địa phương đã ban hành Quyết định²⁶ phân cấp cho Phòng Nội vụ thực hiện giải quyết 03 TTHC trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo theo Công văn số 4223/BNV-TGCP ngày 21/07/2024 của Bộ Nội vụ.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC:

UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt, chấn chỉnh việc giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ hàng tháng tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện 07 chỉ tiêu liên quan Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và thông báo công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả (từ ngày 15/12/2023 đến hết ngày 14/12/2024), toàn tỉnh tiếp nhận 554.439 hồ sơ; trong đó, đã giải quyết và trả kết quả 542.581 hồ sơ (503.742 hồ sơ trước hạn, 38.014 hồ sơ đúng hạn, 825 hồ sơ trễ hạn), đang giải quyết 11.858 hồ sơ (trong hạn 11.845 hồ sơ và quá hạn 13 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trước và đúng hạn đạt 99,84%

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và văn bản triển khai, hướng dẫn công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. Việc triển khai công tác số hóa hồ sơ TTHC tại các sở, ngành, địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực. Trong năm 2024, tỷ lệ số hoá thành phần hồ sơ bình quân chung cả tỉnh đạt 93,9% (cấp tỉnh đạt 87,8%, cấp huyện đạt 93,2% và cấp xã đạt 97,3%); tỷ lệ cấp kết quả điện tử bình quân chung cả tỉnh đạt 88,4% (cấp tỉnh đạt 61,9%, cấp huyện đạt 93,5%, cấp xã đạt 98,5%); tỷ lệ tái sử dụng kết quả số hóa bình quân chung cả tỉnh đạt 40,7% (cấp tỉnh đạt 22,5%, cấp huyện đạt 39,2%, cấp xã đạt 50,1%).

²³ Công văn số 9972/UBND-KSTT ngày 10/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

²⁴ Quyết định số 4015/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

²⁵ Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của UBND tỉnh về việc phân cấp giải quyết TTHC trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

²⁶ UBND thành phố Quy Nhơn (Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024), UBND thị xã An Nhơn (Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 19/11/2024), UBND huyện Phù Mỹ (Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 20/11/2024), UBND huyện Phù Cát (Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 11/11/2024), UBND huyện Tuy Phước (Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 26/11/2024), UBND Hoài Ân (Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024), UBND huyện Vĩnh Thạnh (Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024), UBND huyện Vân Canh (Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024), UBND huyện An Lão (Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 18/12/2024).

- **Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC:** đã tiếp nhận 385 phản ánh, kiến nghị gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, qua đó xử lý, chuyển cơ quan chức năng trả lời và công khai theo đúng quy định (trong đó, có 331 phản ánh, kiến nghị đã xử lý và 54 phản ánh, kiến nghị đang trong hạn xử lý).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- **Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại cơ quan, địa phương:** Năm 2024 là năm cuối để hoàn thành mục tiêu sắp xếp bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2021-2025. UBND tỉnh chỉ đạo triển khai việc sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết 18, Nghị quyết 19 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Trong năm 2024 đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị (Kế hoạch số 99/KH-TU ngày 04/6/2024), tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 05/7/2024). Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy năm 2024: giảm **14** đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2023, nâng tổng số giảm lên **166** đơn vị (tương ứng tỷ lệ giảm 19,02% số đơn vị) so với năm 2015.

UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức 08 cơ quan, đơn vị²⁷; tổ chức lại Trạm Thủy sản liên huyện thành đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Chi cục Thủy sản; đề xuất thành lập và thực hiện công tác quản lý 02 trạm kiểm tra phương tiện tự động trên địa bàn tỉnh; việc chuyển giao Trung tâm Y tế cấp huyện trực thuộc Sở Y tế về trực thuộc UBND cấp huyện.

- **Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức:** UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ thông báo biên chế năm 2024 cho các sở, ban, ngành, địa phương theo quy định; ban hành văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề về tình hình hình, kết quả thực hiện chính sách pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức, đề án vị trí việc làm và chính sách tinh giản biên chế các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh từ năm 2021 – 2022.

Giao biên chế công chức, số lượng người làm việc năm 2024 là: Tổng số biên chế công chức là 2.162 biên chế, giảm **25** biên chế so với năm 2023²⁸; số lượng người làm việc là 25.397 người, giảm **541** người so với năm 2023²⁹; số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp

²⁷ Thanh tra tỉnh; Sở Tài chính, Sở Du lịch, Chi cục Dân số tỉnh; Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND cấp huyện, Trạm Thủy sản liên huyện, Bảo tàng Quang Trung.

²⁸ Cụ thể: 1.240 công chức các sở, ban, ngành tỉnh, giảm 14 biên chế so với năm 2023; 922 công chức các huyện, thị xã, thành phố, giảm 11 biên chế so với năm 2023

²⁹ Cụ thể: Các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 20.603 người; các đơn vị sự nghiệp y tế: 3.317 người; các đơn vị sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao: 585 người; các đơn vị sự nghiệp khác: 892 người.

công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là: 872 người; bổ sung 241 biên chế giáo viên công lập năm học 2023 - 2024.

- **Thực hiện chính sách tinh giản biên chế:** giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với 54 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện với tổng số kinh phí là 10.544.213.000 đồng. Đến nay, tỉnh đã thực hiện tinh giản **43** biên chế công chức so năm 2021 (2.205 biên chế), tỷ lệ 1.95%/5%; giảm **1.623** người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 (27.020 người làm việc), tỷ lệ 6%/10%; giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với 54 cán bộ, công chức, viên chức với tổng số kinh phí là 10.544.213.000 đồng.

- **Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền:** UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 07/9/2023 triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước gắn với triển khai thực hiện nhiệm vụ giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ³⁰, trong đó đã xác định 40 nội dung/lĩnh vực phân cấp quản lý nhà nước đối với 16 ngành. Hiện nay, UBND tỉnh đã thực hiện phân cấp, ủy quyền theo Kế hoạch số 153/KH-UBND và đã hoàn thành 07 nội dung/04 lĩnh vực³¹; đã thực hiện 25/43 nội dung về phân cấp, ủy quyền quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực tại tỉnh Bình Định giống với mô hình phân cấp của UBND thành phố Hà Nội³².

4. Cải cách chế độ công vụ

- **Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:** UBND tỉnh đã ban hành Quyết định ủy quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập và vị trí việc làm của cán bộ, công chức các xã, phường, thị trấn³³; Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả đến nay đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của 22/22 cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và 11/11 huyện, thị xã, thành phố, với số lượng là 2.611 vị trí việc làm³⁴; phê duyệt 100% Đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập, với số lượng là 7.441 vị trí việc làm³⁵.

³⁰ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

³¹ Báo cáo số 148/BC-SNV ngày 28/8/2024 về việc tình hình thực hiện và đề xuất đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

³² Báo cáo số 12/BC-SNV ngày 23/01/2024 về việc nhân rộng mô hình phân cấp của UBND thành phố Hà Nội.

³³ Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh.

³⁴ Vị trí lãnh đạo, quản lý: 370 vị trí; vị trí nghiệp vụ chuyên ngành: 1.609 vị trí; vị trí nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 518 vị trí; vị trí công việc hỗ trợ, phục vụ: 114 vị trí.

³⁵ Vị trí lãnh đạo, quản lý: 1.002 vị trí; vị trí nghiệp vụ chuyên ngành: 2.465 vị trí; vị trí nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 3.148 vị trí; vị trí công việc hỗ trợ, phục vụ: 826 vị trí.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tỉnh Bình Định năm 2024³⁶. Đến nay, đã 39/39 cơ quan, đơn vị, địa phương (28/28 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; 11/11 UBND cấp huyện) đã tổ chức quán triệt, xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong năm 2024 trong phạm vi của cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức và công chức cấp xã: **341** người. Trong đó: **105** công chức, **221** viên chức và **15** công chức cấp xã.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển):

Về tuyển dụng công chức: Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt, cho ý kiến tiếp nhận vào làm công chức không qua kiểm tra, sát hạch³⁷ **10** trường hợp (gồm 09 trường hợp để bổ nhiệm và 01 trường hợp đã từng là công chức); tổ chức tiếp nhận vào làm công chức đối với **28** trường hợp (trong đó, 26 viên chức, 02 công chức cấp xã); đã xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Kế hoạch tuyển dụng công chức tỉnh năm 2024³⁸.

Về tuyển dụng viên chức: Tiếp tục hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác tuyển dụng viên chức theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ, theo đó, đã có ý kiến thỏa thuận cho **14** cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức theo thẩm quyền phân cấp, với tổng số **1.716** chỉ tiêu³⁹; các cơ quan, đơn vị, địa phương đã phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức theo kế hoạch được duyệt, với tổng số **1.214** viên chức (trong đó, 1.014 sự nghiệp giáo dục và đào tạo, 153 sự nghiệp y tế, 47 sự nghiệp khác).

- Kết quả đánh giá cán bộ năm 2024: UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc tỉnh, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng các tập thể, cá nhân năm 2024.

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: UBND tỉnh thực hiện bảo đảm kịp thời, đúng quy định. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định: (1) bổ nhiệm 18 lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương⁴⁰; (2) bổ nhiệm lại 09 lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương⁴¹.

³⁶ Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh.

³⁷ Theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ

³⁸ Tờ trình số 678/TTr-SNV ngày 06/11/2024 của Sở Nội vụ.

³⁹ Văn phòng UBND tỉnh: 02 chỉ tiêu; Sở Khoa học và Công nghệ: 09 chỉ tiêu; Sở Kế hoạch và Đầu tư: 01 chỉ tiêu; Sở Giáo dục và Đào tạo: 273 chỉ tiêu; Sở Y tế: 439 chỉ tiêu; Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định: 15 chỉ tiêu; Ban Giải phóng mặt bằng: 03 chỉ tiêu; UBND thành phố Quy Nhơn: 128 chỉ tiêu; UBND thị xã An Nhơn: 302 chỉ tiêu; UBND huyện Tuy Phước: 11 chỉ tiêu; UBND huyện Tây Sơn: 135 chỉ tiêu; UBND huyện Phù Cát: 272 chỉ tiêu; UBND thị xã Hoài Nhơn: 100 chỉ tiêu; UBND huyện An Lão 26 chỉ tiêu.

⁴⁰ Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, 01 Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 01 Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, 02 Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, 01 Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải, 02 Phó Giám đốc Sở Nội vụ, 01 Phó Giám đốc Sở Tư pháp, 01 Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, 01 Phó Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, 01 Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: UBND tỉnh trình Bộ Nội vụ xem xét, cho ý kiến về việc xét nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp đối với 10 Giám đốc Sở và tương đương; Chủ tịch UBND tỉnh quyết định miễn nhiệm thanh tra viên chính đối với 02 trường hợp, thanh tra viên đối với 01 trường hợp; đã quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với 168/168 cán bộ, công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023 theo thẩm quyền phân cấp.

- Thực hiện chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 09/3/2024 triển khai thực hiện Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thực hiện chế độ, chính sách tiền lương đối với **75** cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp sở, cấp huyện: (1) Nâng bậc lương thường xuyên 46 người; (2) Nâng bậc lương trước thời hạn 09 người; (3) Nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu 05 người; (4) Nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung 08 người; (5) Nâng mức phụ cấp thâm niên nghề 07 người; thông báo nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với 10 lãnh đạo Sở và tương đương; đến nay đã ban hành quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với 09 người.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/02/2024 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: đã phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức **09** lớp bồi dưỡng cho **612** học viên⁴²; các sở, ngành phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức **11/11** lớp bồi dưỡng cho **462** học viên⁴³. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công

dụng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, 01 Phó Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, 01 Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế, Chủ tịch Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định.

⁴¹ Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, 01 Phó Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, 01 Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ; 02 Phó Giám đốc Sở Y tế, 01 Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, 01 Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế, 01 Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

⁴² Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý: 05 lớp/288 học viên, gồm: lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương, 01 lớp/29 học viên⁴²; lãnh đạo, quản lý cấp huyện và tương đương, 01 lớp/17 học viên⁴²; lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương, 03 lớp/242 học viên. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức: 04 lớp/324 học viên, gồm: ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương (01 lớp/47 học viên⁴²); ngạch chuyên viên chính và tương đương (02 lớp/196 học viên); ngạch chuyên viên và tương đương (01 lớp/81 học viên).

⁴³ (i) Sở Nội vụ tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách quản lý nguồn nhân lực: 01 lớp/34 học viên; (ii) Sở Xây dựng tổ chức lớp bồi dưỡng cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, phương pháp quản lý nhà nước trong phát triển đô thị gắn với chuyên đổi số; tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch - tài chính cho đầu tư phát triển đô thị: 02 lớp/80 học viên; (iii) Sở Tài chính tổ chức lớp bồi dưỡng về công tác quản lý ngân sách nhà nước gắn với chuyên đổi số: 02 lớp/105 học viên; (iv) Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức lớp tập huấn về an toàn thông tin trong môi trường số: 01 lớp/65 học viên; (v) Sở Y tế tổ chức lớp cập nhật kiến thức, kỹ năng về y tế gắn với chuyên đổi số: 01 lớp/38 học viên; (vi) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lớp bồi dưỡng về công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương; công tác kiểm tra, xử

chức cấp xã: đã phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức **22** lớp bồi dưỡng (gồm: 18 lớp trực tiếp và 04 lớp trực tuyến) cho **1.515** cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và **1.116** Trưởng thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh⁴⁴. Ngoài ra, các cơ quan đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo ngành, lĩnh vực như: Sở Nội vụ đã triển khai tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức chuyển đổi số đối với công chức ngành Nội vụ theo Công văn số 2358/BNV-VP ngày 02/5/2024 của Bộ Nội vụ, tổng số 256 học viên; Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tập huấn Luật Đất đai năm 2024 cho 549 học viên; Sở Y tế đã tham mưu UBND tỉnh cử 02 bác sĩ Bệnh viện Đa khoa tỉnh đi bồi dưỡng chuyên môn tại Nhật Bản; các cơ quan, đơn vị, địa phương cử đi đào tạo lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng cho 4.467 lượt người.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương: UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra hoạt động công vụ tỉnh Bình Định, ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh năm 2024⁴⁵. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã giúp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác nội vụ; kịp thời phát hiện những hạn chế sai sót trong công tác ngành nội vụ trên các lĩnh vực. Đồng thời, đề xuất biện pháp, kiến nghị xử lý kịp thời nhằm chấn chỉnh các hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước, đồng thời kiến nghị các cơ quan, địa phương, cấp có thẩm quyền ban hành, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung các quy định cho phù hợp với thực tiễn, góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giúp mang lại kết quả chung của ngành, của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2024 tại Quyết định số 4700/KH-UBND ngày 19/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh đồng thời ban hành Kế hoạch số 66/KH-SNV ngày 10/01/2024 triển khai Quyết định số 4700/KH-UBND của UBND tỉnh. Đơn đốc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tự kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công vụ của công chức, viên chức thuộc thẩm quyền⁴⁶.

- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở cơ quan, địa phương: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định đến năm 2025⁴⁷, với 11 chỉ tiêu cần thu hút, tập trung trong các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, thông tin và truyền thông, khoa học

lý vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường: 01 lớp/20 học viên; (vii) Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách trong quản lý giáo dục và đào tạo gắn với chuyển đổi số: 01 lớp/40 học viên; (viii) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách gắn với chuyển đổi số về lĩnh vực khoa học và công nghệ: 02 lớp/80 học viên.

⁴⁴ (i) Sở Nội vụ tổ chức **06** lớp bồi dưỡng chuyên sâu (gồm 02 lớp trực tiếp và 04 lớp bằng hình thức trực tuyến) cho 1.067 cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã; tổ chức **11** lớp bồi dưỡng trực tiếp cho 1.058 Trưởng thôn, Trưởng khu phố tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. (ii) Sở Xây dựng tổ chức **02** lớp bồi dưỡng chuyên sâu trực tiếp cho 290 cán bộ, công chức cấp xã; (iii) Sở Tài chính tổ chức **03** lớp bồi dưỡng chuyên sâu trực tiếp cho 158 công chức (Tài chính - kế toán) cấp xã.

⁴⁵ Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh.

⁴⁶ Công văn số 836/SNV-TTtr ngày 26/4/2024 của Giám đốc Sở Nội vụ.

⁴⁷ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh.

và công nghệ, xây dựng, du lịch; phê duyệt nhu cầu thu hút bác sĩ, dược sĩ vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế, với **125** chỉ tiêu. Đồng thời, đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ một lần đối với **15** bác sĩ, dược sĩ và hỗ trợ thuê nhà hàng tháng đối với **56** bác sĩ, dược sĩ.

- **Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức:** UBND tỉnh ban hành Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 về Quy chế cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định. Đến nay, 100% hồ sơ (32.152 cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Định) được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ.

5. Về cải cách tài chính công

- **Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách**

+ Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn (chưa kể thu huy động đóng góp, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương) ước thực hiện năm 2024 là 15.615 tỷ đồng, vượt 7,8% so với dự toán, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, thu nội địa ước thực hiện 14.759,3 tỷ đồng, vượt 7,3% so với dự toán năm, tăng 22,7% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế, ước thực hiện thu nội địa là 7.727 tỷ đồng, đạt 96,9% so với dự toán năm, tăng 10,9% so với cùng kỳ.

Trong cơ cấu nguồn thu, có 12/17 khoản thu ước thực hiện đạt và vượt dự toán HĐND tỉnh giao như: thu từ DNNN địa phương (vượt 21,1% dự toán, tăng 8,6% cùng kỳ); thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài (vượt 3,1% dự toán, tăng 6,9% cùng kỳ); thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (vượt 11,4% dự toán, tăng 19,3% cùng kỳ); thu tiền sử dụng đất (vượt 21,8% dự toán năm, tăng 40,3% cùng kỳ)... Bên cạnh đó, có 5/17 khoản thu ước thực hiện không đạt dự toán HĐND tỉnh giao như: thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương (đạt 77%), thuế bảo vệ môi trường (đạt 80,9%), thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước (đạt 60%)....

+ Về chi ngân sách địa phương: tổng chi ngân sách địa phương năm 2024 ước thực hiện 20.334,8 tỷ đồng, đạt 100,4% so với dự toán, tăng 11,5% so với cùng kỳ. Trong đó, chi ngân sách tỉnh 10.500,6 tỷ đồng, đạt 94,5% so với dự toán năm và chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố (kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn) 9.834,2 tỷ đồng, vượt 7,6% so với dự toán năm.

+ Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công: Kế hoạch vốn năm 2024 (tính đến ngày 10/12/2024): 14.784,6 tỷ đồng và đã thanh toán 10.991 tỷ đồng, đạt 74,3% so với kế hoạch.

- **Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:** HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2024/NĐ-HĐND ngày 12/7/2024 ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức,

đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định. UBND tỉnh ban hành các Quyết định: số 1007/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 quyết định số lượng xe ô tô bán tải và xe ô tô từ 12 đến 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung; số 2269/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định; số 24/2024/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 quy định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; số 40/2024/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh (trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế); số 2993/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 về việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; số 1365/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kiểm kê tài sản công trên địa bàn tỉnh Bình Định theo Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ; số 83/2024/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2022 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế - dân số; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh Bình Định. Tính đến thời điểm báo cáo, có tổng cộng 135/135 đơn vị khối tỉnh được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó: 08 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 17 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 79 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 31 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành 01 Nghị quyết; 01 Chỉ thị⁴⁸, 12 Quyết định, 15 Kế hoạch làm cơ sở pháp lý triển khai nhiệm vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trên địa bàn tỉnh. Triển khai nhiệm vụ năm 2024, ngay từ đầu năm Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bình Định⁴⁹ họp đánh giá kết quả chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2023, tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị khoá XI về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh; xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024⁵⁰ với 20 chỉ tiêu và

⁴⁸ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 03/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴⁹ Thành lập Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất 03 Ban chỉ đạo Cải cách hành chính, Ban chỉ đạo Chuyển đổi số và Ban chỉ đạo Đề án 06.

⁵⁰ Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh.

64 nhiệm vụ trọng tâm. Sở Thông tin và Truyền thông đã có nhiều cố gắng nỗ lực, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số hiệu quả bảo đảm theo tiến độ đề ra; hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) theo mô hình “4 lớp” được duy trì... Qua đó, công tác chuyển đổi số, nhất là lĩnh vực chính quyền số của tỉnh đã có bước chuyển biến rõ nét.

- Kết quả xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật: cơ bản đáp ứng nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, trong đó: Hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Data Center cơ bản đảm bảo và đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin (gồm: Hệ thống văn phòng điện tử; Hệ thống thư điện tử, các trang thông tin điện tử, trực liên thông kết nối, hệ thống dịch vụ đô thị thông minh); Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II đã kết nối đến 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (gồm: 37 cơ quan, đơn vị là các sở, ban, ngành và 11 UBND các huyện, thị xã, thành phố; 159/159 xã, phường, thị trấn) hoạt động ổn định và kết nối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp I do Cục Bưu điện Trung ương quản lý; Hạ tầng mạng internet cáp quang kết nối hộ gia đình đạt trên 76,5% (tăng 3,5% so với đầu năm), hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đã phủ đạt 99,8% số thôn, làng trên địa bàn tỉnh⁵¹ (tăng 2% so với đầu năm). Tổng số thuê bao điện thoại di động gần 1,6 triệu thuê bao, trong đó: tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt 81,4%; thuê bao băng rộng di động: 1.130.707 và thuê bao băng rộng cố định: 351.826 thuê bao.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng: Các hệ thống nền tảng trong năm được duy trì, vận hành tốt phục vụ công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp của cơ quan nhà nước trên môi trường số, bao gồm: Nền tảng LGSP, Hệ thống họp giao ban trực tuyến 4 cấp, Hệ thống Văn phòng điện tử, Chữ ký số trên USB Token và SIM, Hệ thống thư điện tử công vụ, Hệ thống Trang thông tin điện tử các cơ quan nhà nước, Hệ thống thông tin trên nền tảng mạng xã hội (Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định, Tin tức Bình Định).

- Kết quả xây dựng và phát triển dữ liệu: Các hệ thống phần mềm dùng chung được triển khai, ứng dụng hiệu quả trong công tác phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh như: Cổng thông tin điện tử; Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Quản lý lịch công tác; Cổng Dịch vụ công của tỉnh; Phần mềm họp không giấy. Đến nay, đạt tỷ lệ 50% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên địa bàn tỉnh, gồm: Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, tài chính; 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành (không bao gồm nội dung mật) được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ: Triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng các nền tảng, dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ nội bộ như: Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai, CSDL cán bộ, công chức, viên

⁵¹ Trong kỳ, đã phối hợp với Điện lực Bình Định kết nối điện lưới, xóa 01 điểm trắng sóng thông tin di động là xã Canh Giao, huyện Vân Canh; hiện tỉnh còn duy nhất Làng O2, thuộc huyện Vĩnh Thạnh còn trắng sóng thông tin di động do chưa có hệ thống điện lưới để phủ sóng.

chức, IOC Edu.... Kết nối Cổng DVCQG và với Hệ thống CSDLQG về dân cư, phục vụ xác thực, khai thác dữ liệu trong quá trình giải quyết TTHC; Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh đã kết nối đến 2.733 cụm loa của 111 Đài TTCS xã ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông trên địa bàn tỉnh; Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC) được duy trì với 08 dịch vụ. Tiếp tục phát triển CSDL chuyên ngành kết hợp với xây dựng Kho dữ liệu số theo Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 08/3/2024 của Chủ tịch UBND; triển khai Hệ thống Reputa phân tích thông tin tự động trên internet và mạng xã hội tại Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh và Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ; Triển khai phần mềm quản lý thông tin báo chí viết về Bình Định phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; Triển khai hệ thống camera giám sát cho 06 cụm tháp Chăm (gồm: tháp Bánh Ít, tháp Dương Long, tháp Đồi, tháp Cánh Tiên, tháp Thủ Thiện, và tháp Bình Lâm). Triển khai thử nghiệm Trợ lý ảo cho cán bộ, công chức tại 07 Sở: Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông.

- **Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng dịch vụ người dân, doanh nghiệp:** UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số, giai đoạn 2024 - 2025⁵². Một số dịch vụ ứng dụng, dịch vụ thiết yếu như: Cổng dịch vụ công của tỉnh (<https://dichvucong.binhdinhh.gov.vn>) đã cung cấp 1.890 dịch vụ công (trong đó có 1.262 DVCTT toàn trình, 276 DVCTT một phần); hệ thống được kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia và kết nối, chia sẻ với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ xác thực, định danh khai thác dữ liệu trong quá trình giải quyết TTHC. Đã hoàn thành liên thông dữ liệu kết quả Giấy chứng sinh, Giấy báo tử đối với 100% cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” trên địa bàn tỉnh (dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06). Hoàn thành việc liên thông dữ liệu kết quả Giấy khám sức khỏe lái xe đối với 100% cơ sở y tế có chức năng khám sức khỏe giấy phép lái xe trên địa bàn tỉnh phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình “Cấp đổi giấy phép lái xe”.

Các cơ sở khám chữa bệnh trên toàn tỉnh đã triển khai hệ thống thông tin quản lý bệnh viện (HIS); các đơn vị khám, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế đã triển khai số hóa bệnh án điện tử. Đặc biệt, bệnh viện đã triển khai chữ ký số để ký vào đơn thuốc, bệnh án điện tử như: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn, Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn, Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn; 197/197 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh (bao gồm các trạm y tế) đã trang bị máy quét thẻ CCCD gắn chip. Hiện nay, số lượt người khám bệnh có sử dụng CCCD gắn chip đạt tỷ lệ 82,26% so với tổng số lượt khám bệnh; 100% cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế đã triển khai thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh không dùng tiền mặt trong khám bệnh, chữa bệnh... Triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đến 100% trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ

⁵² Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh.

sở y tế trên địa bàn tỉnh. Các ngân hàng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ như VNPT, Viettel, Mobile đã tích cực phối hợp với Tổ CNCĐ để triển khai hướng dẫn cho người dân, các tiêu chuẩn cài đặt, sử dụng mô hình chợ 4.0.

- **Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến:** Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 08/3/2024 về thúc đẩy cải cách TTHC, cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến gắn với đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành chính cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; ban hành Quyết định giao 07 tiêu liên quan đến “Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn tỉnh trong năm 2024⁵³; Quyết định phê duyệt “Khung danh mục nhiệm vụ thực hiện Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp”⁵⁴ và ban hành “Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; ban hành “Quy chế thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu số hóa trong công tác giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Định”⁵⁵, Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 quy định về lấy ý kiến của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện các chỉ số liên quan đến công tác CCHC của tỉnh tại Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 05/7/2024⁵⁶.

Kết quả, lũy kế đến ngày 15/12/2024 “Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong công tác giải quyết TTHC” trong năm 2024 của tỉnh Bình Định ở **vị trí thứ hai toàn quốc (sau tỉnh Cà Mau)**, với một số kết quả được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia như sau: (i) Hồ sơ nộp trực tuyến **đạt 90,28%** (bình quân cả nước đạt 55,85%), (ii) Thanh toán trực tuyến **đạt 81,09%** (bình quân cả nước đạt 49,35%), (iii) Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC **đạt 93,94%** (bình quân cả nước 67,25%), (iv) Khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa **đạt 40,74%** (bình quân cả nước đạt 18,77%) và (v) Tỷ lệ cấp kết quả điện tử **đạt 88,39%** (bình quân cả nước đạt 68,65%).

(Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tại Phụ lục II kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến công tác CCHC do Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương giao, UBND tỉnh đã cụ thể hóa thành các công việc gắn với trách nhiệm cụ thể của các ngành, các cấp thông qua việc ban hành các Kế hoạch, Quyết định giao chỉ tiêu, văn bản chỉ đạo/giao nhiệm vụ; đồng thời, thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ

⁵³ Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁵⁴ Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 12/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁵⁵ Quyết định số 4313/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh.

⁵⁶ Công văn số 8842/UBND-KSTT ngày 04/11/2024, Công văn số 10036/UBND-KSTT ngày 11/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Cùng với đó, việc triển khai các nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh cũng đã bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh trên từng lĩnh vực, trọng tâm là hoàn thiện thể chế gắn với đẩy mạnh cải cách TTHC và công tác chuyển đổi số. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực, chủ động, phát huy vai trò của Người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC của đơn vị với tư duy đổi mới, chủ động, sáng tạo, góp phần hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC chung của tỉnh. Qua đó giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ CCHC năm 2024 gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; chưa có nhiều chuyển biến trong việc đẩy mạnh tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Nguyên nhân các cơ quan, đơn vị chưa chủ động trong việc thực hiện và Bộ, ngành chưa ban hành đầy đủ các văn bản về định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá.

- Tỷ lệ tái sử dụng lại dữ liệu số hóa trong giải quyết hồ sơ TTHC còn hạn chế, chưa đạt chỉ tiêu Trung ương giao (40,74%). Nguyên nhân, do việc triển khai số hóa chưa hình thành được cơ sở dữ liệu lớn, nhiều TTHC có thành phần hồ sơ không thể tái sử dụng; người dân chưa biết khai thác dữ liệu từ Kho dữ liệu cá nhân để nộp hồ sơ trực tuyến...

- Mặc dù tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt mức cao (90,28%), tuy nhiên số lượng người dân tự nộp hồ sơ trực tuyến từ xa, tại nhà còn ít, hầu hết phải có sự hướng dẫn, hỗ trợ của công chức, viên chức, nhân viên và đoàn viên thanh niên. Nguyên nhân, dịch vụ công trực tuyến tuy đã có sự cải tiến, từng bước đơn giản hóa nhưng do TTHC quy định các bước thực hiện vẫn còn rườm rà, khó thực hiện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG NĂM 2025

1. Tiếp tục hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp. Chỉ đạo các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện “Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh đến năm 2025”; tổng kết Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy; xây dựng Chương trình hành động của Tỉnh ủy về CCHC giai đoạn 2025-2030.

2. Ưu tiên nguồn lực cho công tác xây dựng, hoàn thiện, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân, doanh nghiệp.

3. Triển khai đồng bộ, quyết liệt trong công tác cải cách TTHC, trọng tâm là nâng cao chất lượng và thúc đẩy người dân tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ xa, tại nhà; nghiên cứu đổi mới việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC ở cấp xã; tham mưu đẩy mạnh chuyên đổi số toàn diện, tổng thể trong công tác giải quyết TTHC.

4. Tập trung nghiên cứu, đề xuất thực hiện phân cấp, phân quyền kịp thời, theo đúng quy định, trên cơ sở xây dựng các nguyên tắc, nguyên lý đảm bảo quản lý chung, thống nhất theo ngành, lĩnh vực trên phạm vi toàn tỉnh, đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau khi phân cấp, ủy quyền.

5. Tập trung, khẩn trương rà soát, kịp thời triển khai Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo chỉ đạo của Trung ương, với phương châm “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”. Bảo đảm xây dựng đội ngũ có số lượng, cơ cấu hợp lý, có trình độ, phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời kỳ mới, theo tinh thần “đúng người, đúng việc”; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo yêu cầu chất lượng cho việc thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới; đổi mới hệ thống bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Rà soát, thực hiện sắp xếp tinh gọn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện theo chỉ đạo của Trung ương. Gắn với đề xuất các giải pháp cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với đổi mới công tác đánh giá cán bộ để làm cơ sở cho việc tinh gọn đội ngũ.

6. Tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 1257/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025. Đề xuất Phương án thí điểm tổ chức lại công việc của công chức xã, phường, thị trấn. Tiếp tục hoàn thành Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”.

7. Thực hiện công tác tinh giản biên chế đảm bảo chỉ tiêu theo quy định của giai đoạn 2022-2026, gắn với hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đề xuất phương án, giải pháp giảm sâu số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi sắp xếp nâng cao cơ chế tự chủ tài chính.

8. Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức; tiếp tục tham mưu hoàn thiện thể chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo hướng đẩy mạnh phân cấp, đồng bộ, thống nhất trong hệ thống chính trị; hoàn thiện chế độ, chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng vào làm việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Xây dựng Kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cấp xã trên địa bàn tỉnh năm 2025. Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyên sâu giai đoạn 2025-2030.

9. Tiếp tục tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở; trách nhiệm trong xử lý công việc, tình

trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao tinh thần trách nhiệm, có thái độ phục vụ tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp.

10. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số của tỉnh; trong đó, chủ động phối hợp hỗ trợ xây dựng các nền tảng ứng dụng AI phục vụ hoạt động chuyên môn tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; tăng cường đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình chính quyền điện tử tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu và Trung tâm IOC của tỉnh. Xây dựng hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành. Triển khai Đề án xây dựng Kho dữ liệu số thông minh tỉnh Bình Định để tổng hợp, phân tích xử lý dữ liệu, tạo ra giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

UBND tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ xem xét tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Kiểm soát TTHC;
- Cục Chuyển đổi số quốc gia;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (*báo cáo*);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục I**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CCHC NĂM 2024***(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / 2024 của UBND tỉnh Bình Định)*

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH		
1	Tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính, khen thưởng năm 2023 và triển khai nhiệm vụ công tác CCHC tỉnh năm 2024	Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 19/02/2024	Sở Nội vụ
1.1	Công bố kết quả đánh giá Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2023	Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 31/12/2023; Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	Sở Nội vụ
1.2	Công bố kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2023	Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.3	Khen thưởng trong công tác cải cách hành chính	Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 26/02/2024	Sở Nội vụ
2	Kiểm tra CCHC năm 2024	Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	Sở Nội vụ
3	Truyền thông về CCHC năm 2024	Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 14/3/2014	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Xác định chỉ số CCHC năm 2024 đối với các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định số 3552/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	Sở Nội vụ
5	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2024	Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh	Sở Nội vụ
6	Khảo sát đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2024	Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 17/8/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Cải thiện nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024	Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8	Thực hiện Đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đánh giá chỉ số cải cách hành chính, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định”.	- Công văn số 1716/SNV-CCHCVTLT ngày 14/8/2024 của Sở Nội vụ - Tờ trình số 335/TTr-SNV ngày 14/5/2024 của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
9	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm	Văn bản số 2617/UBND-KSTT ngày	Sở Nội vụ

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì
	nêu gương của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	09/4/2024 của UBND tỉnh	
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ		
10	Ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	Sở Tư pháp
11	Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2024	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	Sở Tư pháp
12	Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 25/01/2024	Sở Tư pháp
13	Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023	Sở Tư pháp
14	Báo cáo kết quả thực hiện công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023	Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 08/3/2024 về kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định trong kỳ hệ thống hóa 2019 – 2023.	Sở Tư pháp
III	CẢI CÁCH TTHC		
15	Quy chế thực hiện công tác số hoá và tái sử dụng dữ liệu thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 4313/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh ban hành “Quy chế thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu số hóa trong công tác giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Định”	Văn phòng UBND tỉnh
16	Xây dựng công cụ quản lý dữ liệu TTHC phục vụ nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành	“Hệ thống quản lý dữ liệu TTHC tỉnh” đã hoàn thành và đưa vào hoạt động truy cập và sử dụng tại địa chỉ https://tthc.binhdingh.gov.vn	Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì
17	Quy định thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và sử dụng kết quả đánh giá để nâng cao chất lượng phục vụ trong công tác giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của UBND tỉnh quy định về lấy ý kiến của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Bình Định	Văn phòng UBND tỉnh
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		
18	Triển khai Kế hoạch tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đến năm 2025	Đã thực hiện giảm 14 đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh so với năm 2023	Sở Nội vụ
19	Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025	Quyết định số 03/ĐA-UBND ngày 27/6/2024	Sở Nội vụ
20	Triển khai thực hiện Kế hoạch 153/KH-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	Trong năm 2024, đã ban hành 09 Quyết định phân cấp, ủy quyền trên các lĩnh vực: Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa - Thể thao, Xây dựng, Nội vụ, Tài chính	Các sở, ngành, địa phương
21	Ban hành quy định, cơ chế chính sách về kiểm soát quyền lực trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản số 3839/UBND-TH ngày 22/5/2024 của UBND tỉnh	Sở Nội vụ
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ		
22	Phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp	Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của 22/22 sở, ban, 11/11 UBND cấp huyện và 720/720 đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Nội vụ
23	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh (thường xuyên và đào tạo chuyên sâu) năm 2024	Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/02/2024	Sở Nội vụ
24	Kế hoạch thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025	Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2024 về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định đến năm 2025	Sở Nội vụ
25	Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã	Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 về Quy chế tổ chức tuyển dụng	Sở Nội vụ

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì
		công chức cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định	
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		
26	Triển khai thực hiện Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025	10 lĩnh vực đã được HĐND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; 04 lĩnh vực còn lại không trình sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới, tiếp tục thực hiện theo danh mục đã được UBND tỉnh ban hành trước khi có Nghị định 60/2021/NĐ-CP	Các sở, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ		
27	Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024	Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2024	Sở Thông tin và Truyền thông
28	Triển khai nền tảng phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh	Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2024 khodulieuso.binhdinh.gov.vn	Sở Thông tin và Truyền thông
29	Triển khai ứng dụng Trợ lý ảo cho cán bộ, công chức	Thực hiện kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 và ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 212/TB-UBND ngày 28/5/2024, Sở TT&TT đã triển khai thí điểm cho 07 Sở (gồm: Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông); đồng thời, Sở Thông tin và Truyền thông đã báo cáo, xin UBND tỉnh cho chủ trương đầu tư nhiệm vụ “triển khai nền tảng trợ lý ảo” cho cán bộ, công chức (Tờ trình số 66/TTr-STTTT ngày 09/10/2024). Ngày 25/10/2024, Sở Thông tin và Truyền thông cũng có văn bản đề nghị Cục Chuyển	Sở Thông tin và Truyền thông

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì
		<p>đổi số quốc gia đánh giá, hỗ trợ triển khai nền tảng trợ lý ảo này tại Bình Định (<i>văn bản số 1920/STTTT-BCVT&CNTT</i>). Cục Chuyển đổi số quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản phúc đáp số 2071/CĐSQG-CNSQG ngày 04/11/2024, trong đó Cục Chuyển đổi số quốc gia cho rằng Cục đang phối hợp với các đơn vị trong Bộ Thông tin và Truyền thông thử nghiệm ở những bước cuối cùng, dự kiến hoàn thành và có đánh giá kết quả trong Quý 4/2024.</p> <p>Vì vậy, hiện nhiệm vụ này vẫn đang chờ Cục Chuyển đổi số quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá hoàn thiện ở những bước cuối cùng; Sở Thông tin và Truyền thông sẽ triển khai trên địa bàn tỉnh khi có kết quả đánh giá chính thức.</p>	
30	Kế hoạch thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025	<p>Văn phòng UBND tỉnh đã xây dựng dự thảo “Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp và thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025 – 2030” gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan, trên cơ sở đó, trình UBND tỉnh xem xét quyết định (Tờ trình số 946/TTr-VPUBND ngày 11/11/2024). Ngày 14/11/2024, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến thống nhất việc này sẽ ban hành và đưa vào thực hiện trong tháng 01 năm 2025. Lý do chờ bổ sung các chỉ tiêu do Trung ương giao (Công văn số 9227/UBND-KSTT)</p>	Văn phòng UBND tỉnh

Phụ lục II
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CCHC ĐỊNH KỲ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	50	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	30	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	6	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	40	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	40	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	5/5	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	5/5	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	211	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	124	Đang tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định đối với 87 nhiệm vụ trong hạn
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	5.060	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

29
Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL⁵⁷ do địa phương ban hành	Văn bản	233	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	122	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	56	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	55	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	56	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	129	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	129	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	129	

⁵⁷Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	30	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	363	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	350	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.583	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	347	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	161	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	371	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	95	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	-	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,95%	(3.1.2)/(3.1.1)
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	99.341	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	99.294	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,77%	(3.2.2)/(3.2.1)
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	172.865	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	172.475	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,86%	(3.3.2)/(3.3.1)
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	265.137	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	264.757	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	385	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	385	(trong đó, có 331 phản ánh, kiến nghị đã xử lý và 54 phản ánh, kiến nghị đang trong hạn xử lý)

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	4	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	707	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	7	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	119	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	581	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	19,02	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.162	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.981	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	-	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	12	Thực hiện chế độ tinh giản
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	14	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	25.948	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	25.948	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	42	Thực hiện chính sách tinh giản
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	16	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	22/22	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	720/720	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		916	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	34	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	3	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	879	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	-	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		38	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	38	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	74,3%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	14.784,6	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	10.991	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	738	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	8	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	38	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	202	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>11</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>29</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>162</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	490	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>)	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100%	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	783	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	783	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	1.234	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100%	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.115	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.115	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	818	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	80.03%	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.898	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1524	theo số liệu thủ tục trực tuyến trên DVCQG

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				<i>của Bình Định</i>
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%	99,47%	
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	514.237	
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	511.495	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	615	<i>Số liệu TTHC có phí trên DVCQG (Nhóm chỉ tiêu thanh toán trực tuyến, chọn tỉnh Bình định)</i>
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	615	